

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố, công khai giao dự toán ngân sách năm 2026
của Viện Dược Liệu**

VIỆN TRƯỞNG VIỆN DƯỢC LIỆU

Căn cứ Quyết định số 324/QĐ-BYT ngày 13/4/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Viện Dược Liệu;

Căn cứ Quyết định số 4886/QĐ-BYT ngày 18/10/2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Dược Liệu;

Căn cứ Nghị định số 163/QĐ-BYT ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư 90/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017;

Căn cứ vào Quyết định số 4058/QĐ-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2026.

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – kế toán Viện Dược liệu.

QUYẾT ĐỊNH:

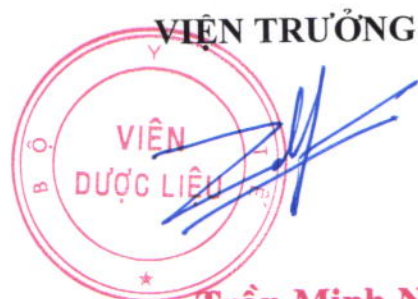
Điều 1: Công bố, công khai số liệu giao dự toán thu, chi NSNN năm 2026 của Viện Dược Liệu (theo biểu số 02 đính kèm)

Điều 2: Phòng Tài chính- kế toán có trách nhiệm theo dõi, quản lý và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hiện hành, đảm bảo chất lượng, tiết kiệm và nâng cao hiệu quả chi NSNN.

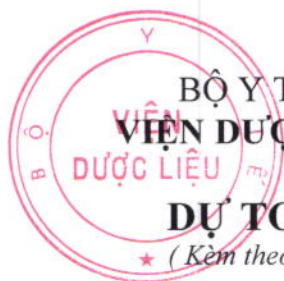
Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày, ký, ban hành. Các phòng Tài chính kế toán, Tổ chức hành chính, Phòng Quản lý KH&ĐT, Phòng QT&VT TBYT và các cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu TCKT
- Lưu văn thư

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN
DƯỢC LIỆU


Trần Minh Ngọc



BỘ Y TẾ
VIỆN DƯỢC LIỆU

Biểu số 2

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

★ (Kèm theo Quyết định số **26** / QĐ-VDL ngày **09** tháng **01** năm 2026 của Viện Dược liệu)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
A	Tổng số thu, chi nộp Ngân sách phí, lệ phí	
B	Dự toán chi NSNN	86.074
I	Dự toán chi NSNN (Nguồn vốn trong nước)	86.074
1	Loại 070 khoản 082: Giáo dục sau đại học	130
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	130
2	Loại 100 khoản 102; 121: Khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	19.398
2.1	Loại 100- Khoản 102: Nghiên cứu ứng dụng	4.698
	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
	- Khoán chi	3.638
	- Không khoán chi	1.060
2.2	Loại 100- khoản 121: Chuyển đổi số	14.700
	Chi thường xuyên không giao tự chủ	
3	Loại 130- khoản 131: Y tế dự phòng	66.546
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	66.546
3.2.1	Kinh phí hoạt động thường xuyên	47.277
	Viện Dược Liệu- cơ sở 3B Quang Trung	29.099
	Trung tâm trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội	6.756
	Trung tâm nghiên cứu dược liệu SaPa	2.685
	Trung tâm nghiên cứu dược liệu Bắc Trung Bộ	4.097
	Trung tâm Sâm và dược liệu TP.HCM	4.640
3.2.2	Kinh phí chi lập Quỹ thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP	1.769
	Viện Dược Liệu- cơ sở 3B Quang Trung	977
	Trung tâm trồng và chế biến cây thuốc Hà Nội	308
	Trung tâm nghiên cứu dược liệu SaPa	107
	Trung tâm nghiên cứu dược liệu Bắc Trung Bộ	187
	Trung tâm Sâm và dược liệu TP.HCM	190
3.2.3	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khác	17.500
	- Nhiệm vụ về dược liệu, triển khai các Chương trình được Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt	10.000
	- Nhiệm vụ Sửa chữa TSCĐ	7.500
II	Nguồn vốn viện trợ	
III	Nguồn vốn vay nợ nước ngoài	